

Số: *15* /QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày *27* tháng *01* năm 2011

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội**

#### **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện qui chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Xét đề nghị của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 55/2005/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 02 năm 2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội về việc ban hành Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đối với những khoản rủi ro do nguyên nhân khách quan của khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội xảy ra trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được các cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý thì được xử lý theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

*M*

**Điều 3.** Tổng giám đốc, Giám đốc các Ban, Trung tâm tại Hội sở chính, Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện và khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Thành viên HĐQT;
- Tổng giám đốc;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Các Phó Tổng giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Các cơ quan TW thực hiện chương trình ủy thác của NHCSXH;
- Lưu VT, Ban QL&XLNRR.

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Nguyễn Văn Giàu**

## **QUY ĐỊNH**

**Xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 01 năm 2011  
của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội)

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Đối tượng áp dụng**

1. Khách hàng được vay vốn của NHCSXH theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bao gồm:

- a) Hộ nghèo;
- b) Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn;
- c) Các đối tượng vay vốn Quỹ quốc gia về việc làm;
- d) Các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;
- đ) Các đối tượng được vay vốn để thực hiện chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;
- e) Các hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn;
- g) Các hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn;
- h) Các đối tượng được hưởng chính sách tín dụng về nhà ở tại các vùng theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- i) Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn;
- k) Các đối tượng khác theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại NHCSXH.

##### **Điều 2. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro**

1. Việc xem xét, xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

a) Khách hàng thuộc đối tượng được vay vốn theo quy định, đã sử dụng vốn vay đúng mục đích ghi trong hợp đồng tín dụng;

b) Khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan làm mất một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản;

c) Khách hàng gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa có khả năng trả được nợ hoặc không trả được nợ cho ngân hàng.

2. Việc xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng được xem xét từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng, đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng trình tự, khách quan và công bằng giữa các đối tượng vay vốn.

### **Điều 3. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro**

1. Quy định này chỉ áp dụng đối với việc xử lý nợ của khách hàng vay vốn tại NHCSXH bị rủi ro do nguyên nhân khách quan.

2. Các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân vay vốn tại NHCSXH thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại NHCSXH bằng nguồn vốn tài trợ uỷ thác đầu tư theo từng hiệp định hoặc hợp đồng ký kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thì việc xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo hiệp định hoặc hợp đồng đã ký kết với tổ chức, cá nhân uỷ thác.

4. Xử lý nợ bị rủi ro trong trường hợp khách hàng vay vốn có tài sản bảo đảm và có mua bảo hiểm:

a) Trường hợp khách hàng vay vốn tại NHCSXH có tài sản bảo đảm theo quy định gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, NHCSXH được quyền chủ động xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận với khách hàng và theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm dùng để bù đắp chi phí xử lý tài sản bảo đảm; hoàn trả nợ gốc, nợ lãi cho NHCSXH; nếu thừa thì trả lại cho khách hàng, nếu thiếu thì phần thiếu được xử lý rủi ro theo Quy định này.

b) Trường hợp tài sản của khách hàng vay vốn tại NHCSXH (tài sản bảo đảm, cây trồng, vật nuôi, gia súc, gia cầm và tài sản khác) có mua bảo hiểm nếu bị tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm. Khoản tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm được dùng để hoàn trả nợ gốc, nợ lãi cho NHCSXH; nếu thừa thì trả lại cho khách hàng, nếu thiếu thì phần thiếu được xử lý rủi ro theo Quy định này.

### **Điều 4. Thời điểm xem xét xử lý nợ bị rủi ro**

1. Việc áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro đối với khách hàng được tính từ thời điểm khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan.

2. Việc xem xét xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện tại thời điểm thực tế phát sinh rủi ro hoặc theo từng đợt trên cơ sở đề nghị của khách hàng, của NHCSXH và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

Định kỳ tối thiểu 6 tháng, chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh kiểm tra, tổng hợp đề nghị xử lý nợ rủi ro của NHCSXH nơi cho vay gửi Hội sở chính để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Quy định cụ thể về các nguyên nhân khách quan**

1. Các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1 Điều 5 quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg bao gồm các trường hợp cụ thể sau:

a) Thiên tai và các tác động do biến đổi khí hậu gây thiệt hại đến vốn, tài sản của khách hàng gồm: bão, lũ lụt, hạn hán, động đất, sạt lở đất, rét đậm rét hại, cháy rừng, dịch họa, hỏa hoạn.

b) Các dịch bệnh liên quan đến gia súc, gia cầm, thủy hải sản, động vật nuôi khác và cây trồng.

2. Các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 2 Điều 5 quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg bao gồm các trường hợp cụ thể sau:

a) Nhà nước điều chỉnh chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng như: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật hoặc khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b) Do biến động chính trị, kinh tế - xã hội ở khu vực, quốc tế và nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài như: doanh nghiệp tiếp nhận lao động bị phá sản, giải thể; doanh nghiệp tiếp nhận lao động bị ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế nên đơn phương chấm dứt hợp đồng với người lao động.

3. Các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 3 Điều 5 quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg bao gồm các trường hợp cụ thể sau:

Khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình: bị mất năng lực hành vi dân sự; người lao động bị tai nạn nghề nghiệp trong quá trình lao động ở nước ngoài; ốm đau thường xuyên, mắc bệnh tâm thần, có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt không nơi nương tựa; chết; mất tích hoặc bị tuyên bố là chết, mất tích mà không còn tài sản để trả nợ, không có người thừa kế hoặc người thừa kế thực sự không có khả năng trả nợ thay cho khách hàng.

4. Các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 4 Điều 5 quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg bao gồm các trường hợp cụ thể sau:

Khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật mà không còn pháp nhân, không còn vốn, tài sản để trả nợ cho NHCSXH.

#### **Điều 6. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản**

1. Khi khách hàng vay vốn gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan và có đơn đề nghị xử lý nợ rủi ro, NHCSXH phối hợp các tổ chức, cá nhân có liên quan tiến hành thẩm tra, lập biên bản xác nhận mức độ thiệt hại về vốn và tài sản của khách hàng.

2. Biên bản xác nhận mức độ thiệt hại về vốn và tài sản của khách hàng có xác nhận của lãnh đạo NHCSXH nơi cho vay; tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn (hoặc chủ dự án); lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cho vay cấp xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã nơi khách hàng cư trú; xác nhận của cơ quan chuyên ngành cấp xã (nếu có) như: cơ quan phòng chống lụt bão, cơ quan thú y.

3. Việc xác định mức độ (tỷ lệ) thiệt hại về vốn và tài sản của khách hàng để áp dụng các biện pháp xử lý nợ được căn cứ trên cơ sở số vốn, tài sản thực tế của khách hàng bị tổn thất do các nguyên nhân khách quan (được các cơ quan thẩm tra xác nhận) so với tổng số vốn để thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng được ghi trong hồ sơ vay vốn của khách hàng. Trường hợp học sinh sinh viên vay vốn để theo học tại các trường hoặc đối tượng chính sách vay vốn để đi lao động có thời hạn ở nước ngoài thì việc xác định mức độ thiệt hại được căn cứ trên cơ sở số vốn và tài sản thực tế bị tổn thất so với tổng số vốn khách hàng đang vay tại NHCSXH.

#### **Điều 7. Các biện pháp xử lý nợ bị rủi ro**

1. Gia hạn nợ

a) Gia hạn nợ là việc NHCSXH cho phép khách hàng được kéo dài thời hạn trả nợ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Trong thời gian gia hạn nợ khách hàng vẫn phải trả lãi tiền vay.

## b) Điều kiện gia hạn nợ

Khách hàng được xem xét gia hạn nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Quy định này.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản dưới 40%.

c) Thời gian gia hạn nợ: thời gian gia hạn nợ tối đa là 12 tháng đối với loại cho vay ngắn hạn; tối đa không quá 1/2 thời hạn cho vay đối với các khoản vay trung và dài hạn, được tính từ ngày khách hàng vay đến hạn trả nợ.

## 2. Khoanh nợ

a) Khoanh nợ là việc NHCSXH chưa thu nợ của khách hàng và không tính lãi tiền vay phát sinh trong thời gian được khoanh nợ.

### b) Điều kiện khoanh nợ

Khách hàng được xem xét khoanh nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Quy định này.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản từ 40% đến 100%.

### c) Thời gian khoanh nợ

- Trường hợp mức độ thiệt hại về vốn và tài sản từ 40% đến dưới 80%: thời gian khoanh nợ tối đa là 3 năm, tính từ ngày khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan.

- Trường hợp mức độ thiệt hại về vốn và tài sản từ 80% đến 100%: thời gian khoanh nợ tối đa là 5 năm, tính từ ngày khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan.

- Trường hợp hết thời gian khoanh nợ, khách hàng vay vốn vẫn gặp khó khăn, chưa có khả năng trả nợ sẽ được xem xét tiếp tục cho khoanh nợ với thời gian tối đa không vượt quá thời gian đã được khoanh nợ lần trước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

## 3. Xoá nợ (gốc, lãi)

a) Xoá nợ (gốc, lãi) là việc NHCSXH không thu một phần hoặc toàn bộ nợ gốc, lãi của khách hàng đang còn dư nợ tại NHCSXH.

### b) Điều kiện xóa nợ

Khách hàng được xem xét xóa nợ trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Quy định này nhưng sau khi đã hết thời gian khoanh nợ (kể cả trường hợp được khoanh nợ bổ sung) mà vẫn không có khả năng trả nợ và NHCSXH đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

- Khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân nêu tại khoản 3 và khoản 4 Điều 5 Quy định này và NHCSXH đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

c) Số tiền xoá nợ (gốc, lãi) cho khách hàng bằng số tiền khách hàng còn phải trả cho ngân hàng sau khi ngân hàng đã áp dụng các biện pháp tận thu.

## **Điều 8. Hồ sơ pháp lý để xử lý nợ bị rủi ro**

1. Đối với gia hạn nợ, khoan nợ (kể cả trường hợp khoan nợ bổ sung)

a) Đơn đề nghị xử lý nợ của khách hàng (mẫu số 01/XLN): trong đơn khách hàng nêu rõ nguyên nhân gây thiệt hại; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền dư nợ gốc và lãi còn phải trả Ngân hàng; số tiền đề nghị gia hạn nợ, khoan nợ;

b) Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản của khách hàng (mẫu số 02/XLN) do NHCSXH và khách hàng lập có đầy đủ xác nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này;

c) Bản sao giấy nhận nợ như: hợp đồng tín dụng, sổ vay vốn hoặc các loại giấy tờ nhận nợ khác có rút số dư nợ (gốc, lãi, tổng số) đến ngày bị rủi ro do NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu.

d) Trường hợp khách hàng là tổ chức kinh tế thì ngoài các văn bản trên cần có thêm các giấy tờ sau:

- Biên bản xác định mức độ tổn thất, thiệt hại về vốn và tài sản theo quy định của pháp luật kèm báo cáo tài chính 2 năm gần nhất của tổ chức kinh tế;

- Phương án khôi phục sản xuất - kinh doanh của tổ chức kinh tế.

2. Đối với xoá nợ

a) Đơn đề nghị xử lý nợ của khách hàng (mẫu số 01/XLN) nêu rõ nguyên nhân dẫn đến rủi ro không trả được nợ; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền gốc và lãi đang còn nợ Ngân hàng; số tiền gốc và lãi đề nghị xoá nợ.

Trường hợp khách hàng vay chết, mất tích hoặc bị coi là chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, mắc bệnh tâm thần có người thừa kế thì người thừa kế viết đơn, trường hợp không có người thừa kế thì không cần đơn đề nghị xử lý nợ.

b) Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản của khách hàng (mẫu số 02/XLN)

Biên bản xác định mức độ thiệt hại do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng lập có đầy đủ xác nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này. Trên biên bản ngoài việc xác định nguyên nhân và đánh giá mức độ thiệt hại phải thể hiện cụ thể các nội dung: đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi



nguồn có khả năng thanh toán của khách hàng; khách hàng không còn tài sản để trả nợ, không có người thừa kế hoặc còn người thừa kế nhưng người thừa kế không có khả năng trả nợ thay cho khách hàng.

- Trường hợp khách hàng chết, mất tích hoặc bị coi là chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, mắc bệnh tâm thần còn người thừa kế thì NHCSXH nơi cho vay và người thừa kế lập biên bản có xác nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này.

- Trường hợp khách hàng chết, mất tích hoặc bị coi là chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, mắc bệnh tâm thần mà không có người thừa kế thì NHCSXH nơi cho vay phối hợp với tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn (hoặc chủ dự án) lập biên bản có xác nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này.

- Trường hợp khách hàng vay vốn hết thời gian khoanh nợ (kể cả trường hợp được khoanh nợ bổ sung) vẫn không có khả năng trả nợ: trên biên bản phải đánh giá cụ thể về khả năng trả nợ của khách hàng và thể hiện nội dung: món vay đã hết thời gian khoanh nợ (kể cả trường hợp đã được khoanh nợ bổ sung) mà khách hàng vẫn không có khả năng trả nợ, NHCSXH đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

c) Các giấy tờ liên quan của khách hàng, học sinh sinh viên, người đi lao động nước ngoài bị rủi ro đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

- Trường hợp mất năng lực hành vi dân sự: bản sao có chứng thực Quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự của Tòa án hoặc xác nhận cụ thể, rõ ràng về việc mất năng lực hành vi dân sự do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp.

- Trường hợp ốm đau thường xuyên, mắc bệnh tâm thần: bản sao có chứng thực giấy xác nhận về tình trạng sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp.

- Trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không nơi nương tựa: có xác nhận của UBND cấp xã trên biên bản về hoàn cảnh cụ thể của khách hàng: khách hàng có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt không nơi nương tựa.

- Trường hợp chết, mất tích hoặc bị coi là chết, mất tích phải có bản sao có chứng thực Giấy chứng tử hoặc bản sao có chứng thực Quyết định tuyên bố chết, mất tích của Tòa án hoặc có xác nhận rõ ràng của UBND cấp xã và công an cấp xã trên biên bản về các nội dung sau: họ và tên, hộ khẩu thường trú, thời gian, địa điểm chết, mất tích.

- Trường hợp người lao động bị tai nạn nghề nghiệp trong quá trình lao động ở nước ngoài: các giấy tờ về mức độ thương tích hoặc hồ sơ bệnh án do doanh nghiệp tiếp nhận lao động ở nước ngoài hoặc cơ quan y tế nước ngoài xác nhận (bản dịch tiếng Việt qua công chứng).

- Các giấy tờ liên quan khác: Trường hợp không còn người thừa kế: bản sao có chứng thực Giấy chứng tử, Quyết định tuyên bố mất tích của người thừa kế (nếu người thừa kế chết, mất tích) hoặc xác nhận cụ thể của UBND cấp xã trên biên bản về tình trạng của người thừa kế: người thừa kế chết; mất tích; không có người thừa kế. Trường hợp người thừa kế không có khả năng trả nợ có xác nhận của UBND cấp xã trên biên bản.

d) Trường hợp khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã phá sản, giải thể phải có bản sao có chứng thực: Quyết định phá sản, giải thể của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc tuyên bố của Tòa án và các văn bản có liên quan đến việc thanh lý tài sản của đơn vị bị phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật.

đ) Bản sao giấy nhận nợ như: hợp đồng tín dụng, sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác có rút số dư nợ (gốc, lãi, tổng số) đến ngày bị rủi ro (NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu).

e) Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

### **Điều 9. Trình tự thực hiện xử lý nợ bị rủi ro**

Khi gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan theo quy định tại Điều 5 Quy định này, khách hàng lập 01 liên Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN) kèm 01 liên các giấy tờ có liên quan tại điểm d khoản 1 Điều 8 và điểm c, d, e khoản 2 Điều 8 nêu trên gửi NHCSXH nơi vay vốn.

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi; phối hợp với khách hàng và cá nhân, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 6 tiến hành thẩm tra, lập Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (mẫu số 02/XLN).

#### **1. Tại Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay**

a) Căn cứ mẫu số 02/XLN và các giấy tờ do khách hàng gửi, NHCSXH nơi cho vay tổng hợp 01 bộ hồ sơ pháp lý (nội dung các giấy tờ trong từng bộ hồ sơ quy định tại Điều 8), kiểm tra, chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ và lập biểu tổng hợp:

- Đối với gia hạn nợ: 02 liên biểu tổng hợp đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 03/XLN): 01 liên gửi NHCSXH cấp tỉnh, 01 liên lưu hồ sơ.

- Đối với khoan nợ: 02 liên biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ (mẫu số 04/XLN): 01 liên gửi NHCSXH cấp tỉnh, 01 liên lưu hồ sơ.

- Đối với xóa nợ: 02 liên biểu tổng hợp đề nghị xóa nợ (mẫu số 05/XLN): 01 liên gửi NHCSXH cấp tỉnh, 01 liên lưu hồ sơ.

b) Sắp xếp và lưu trữ hồ sơ

- Hồ sơ được sắp xếp và đóng thành tập theo từng biện pháp gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ; theo từng chương trình và sắp xếp theo đúng thứ tự danh sách khách hàng trên mẫu số 03,04,05/XLN.

- Lưu tại NHCSXH nơi cho vay: 01 liên mẫu số 03,04,05/XLN và toàn bộ hồ sơ gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ.

Giám đốc NHCSXH cấp huyện là người chịu trách nhiệm tính hợp lệ, hợp pháp của toàn bộ hồ sơ xử lý nợ và lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

c) Hồ sơ gửi về NHCSXH cấp tỉnh

- 01 liên mẫu số 03,04,05/XLN.

- Truyền file mềm mẫu số 03,04,05/XLN.

Đối với các trường hợp rủi ro đơn lẻ, cục bộ, NHCSXH cấp huyện gửi hồ sơ (biểu tổng hợp mẫu 03,04,05/XLN) đề nghị xử lý rủi ro về NHCSXH cấp tỉnh chậm nhất ngày 31/01 và 31/7 hàng năm. Trường hợp rủi ro xảy ra trên diện rộng, mức độ thiệt hại lớn phải thực hiện theo từng đợt gửi tổng hợp hồ sơ về NHCSXH cấp tỉnh để trình cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

2. Tại Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh

Căn cứ hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do NHCSXH nơi cho vay gửi, NHCSXH cấp tỉnh thực hiện:

a) Tổng hợp các khoản đề nghị xử lý nợ rủi ro của toàn chi nhánh.

- Đối với gia hạn nợ: tổng hợp và lập 02 liên đề nghị gia hạn nợ của chi nhánh (mẫu số 03/XLN): 01 liên lưu tại NHCSXH cấp tỉnh, 01 liên gửi Hội sở chính.

- Đối với khoan nợ: tổng hợp và lập 02 liên đề nghị khoan nợ của chi nhánh (mẫu số 04/XLN): 01 liên lưu tại NHCSXH cấp tỉnh, 01 liên gửi Hội sở chính.

- Đối với xóa nợ: tổng hợp và lập 02 liên đề nghị xóa nợ của chi nhánh (mẫu số 05/XLN): 01 liên lưu tại NHCSXH cấp tỉnh, 01 liên gửi Hội sở chính.

b) Kiểm tra sau: Tiến hành kiểm tra tại chỗ (tại NHCSXH nơi cho vay) tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro.

c) Hồ sơ gửi về Hội sở chính NHCSXH

- 01 liên mẫu số 03,04,05/XLN tổng hợp toàn chi nhánh.

- Truyền file mềm mẫu số 03,04,05/XLN toàn chi nhánh.

- Tờ trình đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của toàn chi nhánh nêu rõ nguyên nhân rủi ro; tình hình thiệt hại; số nợ bị rủi ro đề nghị xử lý; xác nhận tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ đề nghị xử lý.

Thời hạn gửi hồ sơ: NHCSXH cấp tỉnh gửi hồ sơ đề nghị xử lý nợ về Hội sở chính chậm nhất ngày 28/02 và ngày 31/8 hàng năm hoặc theo từng đợt trong các trường hợp rủi ro do thiên tai bão lụt, dịch bệnh trên diện rộng.

### 3. Tại Hội sở chính Ngân hàng Chính sách xã hội

Nhận được hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro của chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Hội sở chính kiểm tra, tổng hợp để xem xét xử lý hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xử lý. Cụ thể:

a) Đối với gia hạn nợ: lập biểu tổng hợp các khoản nợ bị rủi ro đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 06/XLN) trình Tổng giám đốc xem xét, quyết định.

b) Đối với khoan nợ, xóa nợ: lập biểu tổng hợp các khoản nợ bị rủi ro đề nghị khoan nợ (mẫu số 07/XLN); xóa nợ (mẫu số 08/XLN) và biểu tổng hợp đề nghị xử lý các khoản nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan (mẫu số 09/XLN) trình Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định.

c) Hàng năm hoặc định kỳ Hội sở chính tiến hành kiểm tra hồ sơ tại NHCSXH nơi cho vay.

Trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro tại NHCSXH đề nghị Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp cùng Liên bộ kiểm tra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

### 4. Thông báo kết quả xử lý nợ rủi ro

Căn cứ quyết định xử lý nợ rủi ro của cấp có thẩm quyền, Hội sở chính gửi quyết định kèm danh sách gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ (mẫu số 10,11,12/XLN). Căn cứ quyết định xử lý nợ rủi ro, chậm nhất sau 05 ngày làm việc, NHCSXH nơi cho vay thực hiện:

a) Đối với gia hạn nợ: NHCSXH nơi cho vay xác định lại kỳ hạn trả nợ ghi vào sổ vay vốn (hoặc hợp đồng tín dụng) dòng chữ: “Gia hạn nợ .... tháng theo QĐ số .....từ ngày ...../...../.....” và nhập đầy đủ thông tin gia hạn nợ của từng món vay.

b) Đối với khoan nợ: NHCSXH nơi cho vay ghi thời gian được khoan nợ vào sổ vay vốn (hoặc hợp đồng tín dụng) dòng chữ “Khoan nợ.... năm theo QĐ số..... từ ngày ...../...../.....” và hạch toán từ tài khoản cho vay có liên quan sang tài khoản nợ cho vay được khoan. Trường hợp dư nợ tại thời điểm hạch toán nhỏ hơn số tiền được thông báo khoan nợ thì khoan nợ theo số dư thực tế.

c) Đối với xóa nợ: NHCSXH nơi cho vay hạch toán xóa nợ gốc và lãi của khoản vay được thông báo xóa nợ. Trường hợp dư nợ tại thời điểm hạch toán nhỏ hơn số tiền được thông báo xóa nợ thì xóa nợ theo số dư thực tế đồng thời lập báo Nợ chuyển tiền điện từ số tiền gốc thực hiện xóa nợ về Hội sở chính (Sở giao dịch). Số tiền chênh lệch thừa báo cáo, thuyết minh trên mẫu 14/XLN.

Căn cứ thông báo kết quả xử lý nợ NHCSXH nơi cho vay phải thông báo cho khách hàng biết thời gian, số tiền được xử lý nợ và đồng thời thực hiện công khai tại điểm giao dịch xã vào ngày giao dịch gần nhất.

## **Điều 10. Thẩm quyền và trách nhiệm xử lý nợ bị rủi ro**

### **1. Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH**

a) Quyết định việc khoan nợ, xoá nợ cho khách hàng (đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ không vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro tại NHCSXH) trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

b) Báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xoá nợ (gốc, lãi) cho khách hàng đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro tại NHCSXH trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

### **2. Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội**

a) Quyết định việc gia hạn nợ đối với khách hàng.

b) Chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống NHCSXH thực hiện đúng quy định tại quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

### **3. Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh**

a) Tổ chức thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro.

b) Tổng hợp, kiểm tra hồ sơ đề nghị xử lý gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ thuộc phạm vi của chi nhánh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### **4. Giám đốc NHCSXH nơi cho vay**

a) Thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro.

b) Tổng hợp, kiểm tra hồ sơ pháp lý đề nghị xử lý gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

## **Điều 11. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro**

1. Nguồn vốn để xoá nợ gốc cho khách hàng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của NHCSXH. Việc trích lập và sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được quy định tại quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, Chủ tịch HĐQT báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Nguồn vốn để gia hạn nợ, khoan nợ cho khách hàng được tính trong tổng nguồn vốn hoạt động hàng năm của NHCSXH.

- Trong thời gian gia hạn nợ, NHCSXH tính lãi, thu lãi đối với khách hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và theo chế độ quy định.

- Trong thời gian khoan nợ, NHCSXH không tính lãi, không thu lãi đối với khách hàng. Khi tính toán, xác định số cấp bù chênh lệch lãi suất hàng năm, đối với số dư nợ cho vay được khoan NHCSXH được tính lãi suất cho vay bằng 0% trong thời gian khoan nợ.

## **Điều 12. Chế độ báo cáo**

1. Sau khi thực hiện xử lý nợ bị rủi ro theo quyết định của cấp có thẩm quyền, NHCSXH nơi cho vay lập báo cáo kết quả xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 13,14/XLN) gửi chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh tổng hợp gửi Hội sở chính chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc thông báo.

2. Định kỳ vào ngày 30/6 và 31/12 hàng năm hoặc theo từng đợt xử lý, Hội sở chính lập báo cáo kết quả xử lý nợ rủi ro gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo mẫu biểu quy định tại Thông tư 161/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện qui chế xử lý nợ bị rủi ro của NHCSXH ban hành kèm theo quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 13.** Tổng giám đốc, Giám đốc các Ban, Trung tâm tại Hội sở chính, Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện và khách hàng vay vốn tại NHCSXH chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Mọi sửa đổi, bổ sung do Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định./.

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Nguyễn Văn Giàu**